

# TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU VỚI CÁC NHÀ DÂN TỘC CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

ĐOÀN ÁNH DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Đầu thế kỷ XX, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được các trí thức dân tộc chủ nghĩa trưng dụng vào các diễn ngôn chủ nghĩa dân tộc. Ở bộ phận những trí thức theo chủ trương cải cách ôn hòa, *Truyện Kiều* được xem như là tác phẩm kinh điển của nền quốc văn An Nam, giá trị được mang ra cầm bằng để khẳng định truyền thống văn hóa văn hiến với người Pháp xâm lược. Trong khi đó, ở phía những trí thức chủ trương bạo lực cách mạng giải phóng dân tộc, *Truyện Kiều* chỉ được xem như là “dâm thư”, và vì thế họ cực lực lên án những hành vi tôn vinh *Truyện Kiều*. Tác phẩm này, theo đó, trở thành dấu chỉ cho những khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa khác nhau ở Việt Nam vào thời điểm thực dân Pháp đẩy mạnh quá trình khai thác và khai hóa thuộc địa. Nghiên cứu này sẽ xem xét các tranh luận xung quanh *Truyện Kiều*, để từ đó chỉ ra tâm thái trí thức bản địa và cách thức mà họ dịch chuyển văn hóa cổ truyền vào trong tiến trình khai sinh các mô hình nhà nước hiện đại ở Việt Nam trong tình cảnh thuộc địa những năm đầu thế kỷ XX.

**Từ khóa:** Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, trí thức bản địa, chủ nghĩa dân tộc.

**Abstract:** By the early twentieth century, the *Tale of Kieu* by Nguyễn Du had been mobilized into nationalist discourses. While exalted by reformist literati as a classic of Vietnamese literature that embodied national cultural tradition in comparison with that of French invaders, the *Tale of Kieu* was belittled by radical intellectuals as a “pornographic publication” [dâm thư]. Hence they attacked any exaltation of it. The tale then became a focus of diverging nationalist movements in Vietnam at the time of French colonial exploitation. This paper examines the controversies surrounding the *Tale of Kieu* during the colonial era. It analyzes the thinking of indigenous intellectuals as well as their way of transforming traditional culture into the process of developing modern forms of nation-state in early twentieth-century Vietnam.

**Keywords:** Nguyễn Du, *The Tale of Kiều*, indigenous intellectual, nationalism.

## 1. Ngữ cảnh thuộc địa và cuộc tranh luận về *Truyện Kiều*

Bước khỏi quỹ đạo Á Đông để hòa nhập với văn hóa phương Tây theo cùng chủ nghĩa thực dân, các trí thức và nhà văn Việt Nam từng bước làm quen với cảm quan thế giới về tư tưởng và văn học. Cùng với ý thức về sáng tạo những tác phẩm theo mẫu hình mới lấy điển phạm từ kho tàng văn học phương Tây, từ những năm 1920, các cuộc tranh luận học thuật cũng nổ ra như là sự ý thức về tư tưởng và quan niệm nghệ thuật mới. Tuy nhiên, ở khởi đầu, các tranh luận

này nằm trong phổ rộng hơn, liên quan trực tiếp tới các vấn đề văn hóa và dân tộc, như các tranh luận về quốc văn, quốc học, và đại diện tiêu biểu trên tinh thần này là *Truyện Kiều*. Trên cơ sở lấy dữ liệu từ nền quốc văn, các tranh luận hướng về các vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, từ đó, chọn ngôn ngữ và văn hóa như một yếu tố then chốt để thể hiện quan niệm dân tộc chủ nghĩa qua các bài viết, các trao đổi. Tranh luận học thuật, vì thế, không chỉ biểu thị các khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa khác nhau được xây dựng trên những trải nghiệm khác biệt của các trí thức bản địa mà còn biểu thị ý thức đối kháng của trí thức bản địa với bá quyền thực dân.

<sup>(\*)</sup> TS. - Viện Văn học.

Email: anhduong911@gmail.com.

Sau khi các phong trào bạo động cách mạng bị chính quyền thực dân đàn áp và tan rã, xu hướng cải cách xã hội dần thắng thế. Khởi động trong những năm đầu rồi đẩy mạnh trong mấy năm cuối thập niên 1910 trong hai lần đảm trách vị trí Toàn quyền Đông Dương, Albert Sarraut đã đề xuất chính sách văn hóa giáo dục nhằm Pháp hóa Đông Dương như một tiền đề để thực hiện sứ mệnh “khai hóa văn minh” và/ để khai thác thuộc địa một cách hiệu quả. Chính sách này đã lôi cuốn được một số trí thức tinh hoa bản địa, mà nổi bật lên là Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh. Cả hai ông đã lựa chọn văn hóa làm căn bản cho các dẫn thân chính trị của mình, đặc biệt là với Phạm Quỳnh, khi hoàn cảnh ổn định tương đối của xã hội thuộc địa đã tạo cơ hội cho ông thực hiện những tham vọng của mình một cách hệ thống và bài bản thông qua việc chủ trương và điều hành *Nam Phong tạp chí* (1917-1934). Trong bối cảnh đó, cuộc tranh luận về quốc văn, quốc học và tranh luận về *Truyện Kiều* có thể xem là hệ quả lựa chọn chính trị của Phạm Quỳnh và thành công vượt trội của *Nam Phong tạp chí* cùng với những ý hướng đề kháng lại con đường chính trị và văn hóa này.

Điểm chung của các cuộc tranh luận về quốc văn, quốc học, về *Truyện Kiều* khởi phát từ giữa thập niên 1920 là mối quan tâm tới vấn đề ngôn ngữ dân tộc dù những trí thức bản xứ có quan điểm khác biệt, thậm chí là trái ngược về phương diện chính trị. Điều này được xem như là một biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc về phương diện văn hóa và ngôn ngữ của các trí thức bản xứ, hiện diện như là phương cách để xây dựng quốc gia và để kháng cự quá trình thực dân hóa bản xứ. Tư tưởng ấy được tiếp thu từ chủ nghĩa dân tộc lãng mạn trong quá trình khai sinh các nhà nước hiện đại ở phương Tây vào thế kỷ XVIII, một khuynh hướng

nhấn mạnh tới sự cố kết cộng đồng dân tộc dựa trên sự sẻ chia gia tài văn hóa và văn tự, biểu hiện rạch ròi trong kho tàng văn hóa dân gian và kết tinh trong những danh văn của cha ông để lại. Sang thế kỷ XIX và XX, để chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây, các trí thức bản xứ đã khéo léo trưng dụng tư tưởng dân tộc chủ nghĩa này để đề xuất các mẫu hình quốc gia - dân tộc mang màu sắc riêng, chống lại sự áp đặt mẫu hình chính quốc bởi các chính quyền thuộc địa. Không phải ngẫu nhiên mà trong hệ thống thuộc địa của Anh và Pháp, nhiều trí thức dân tộc chủ nghĩa ở châu Phi và châu Á đã nỗ lực phát triển ngôn ngữ dân tộc, bên cạnh ngôn ngữ chính thống bắt buộc (Anh ngữ, Pháp ngữ) được ban hành bởi nhà cầm quyền thực dân. Ở Việt Nam, khi thực dân Pháp chọn quốc ngữ làm ngôn ngữ chính thống, các trí thức dân tộc chủ nghĩa bản xứ đã nhanh chóng tìm cách lợi dụng sự phổ biến của ngôn ngữ này để thúc đẩy các quá trình cải cách xã hội, vận động đấu tranh hướng tới việc giành lại nền độc lập; tự chủ.

Tuy việc cổ súy cho chữ quốc ngữ đã được ý thức rõ ràng từ trong các phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thực hồi đầu thế kỷ XX, được thử thách thông qua hoạt động báo chí quốc ngữ, nhất là *Đông Dương tạp chí* (1913-1918) và *Nam Phong tạp chí*, nhưng cho đến giữa thập niên 1920, việc phổ biến chữ quốc ngữ vẫn chưa đến được với đông đảo quần chúng bình dân. Có lẽ nhìn thấy thực tế ấy, khi mà “nền quốc văn” chẳng qua mới chỉ là “cái mộng tưởng của đôi ba nhà học giả, mà chưa phải là tâm lý chung của quốc dân”, nhà chí sĩ Ngô Đức Kế mới đăng đàn hô hào xây dựng “nền quốc văn” [3, tr.40-47] trên *Hữu thanh tạp chí* (1921-1924), cơ quan ngôn luận của Hội Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp. Ngoài nhận thức về thực trạng xã hội, việc đề xuất xây dựng nền quốc văn của Ngô

Đức Kế cũng xuất phát từ việc tiếp nhận các tư tưởng hiện đại phương Tây. Ông lấy làm tâm đắc dẫn câu cách ngôn Thái Tây: “Tiếng và chữ của dân tộc nào là cái gương cùng cái thuẫn của dân tộc ấy” rồi bình luận: “Gương và thuẫn đã mất thì người lấy gì mà giữ mình: ngôn ngữ văn tự vẫn quan hệ như thế thật” [3, tr.43]. Vì thế, theo ông, “đang lúc nền Hán văn chưa đổ hết, nền Pháp văn chưa vững vàng, mà vun đắp ‘nền quốc văn’ này thực là đúng dịp gặp thời”. Và để vun đắp công trình ấy, chỉ cần “lấy cái tinh thần trong Hán văn làm đất cát, lấy cái trí thức trong Pháp văn làm gạch đá, mà lấy quốc ngữ làm vôi hồ”. Thành quả ấy sẽ làm “một cái nền cho mười mấy triệu con Hồng cháu Lạc cất nhà xây vách ở trên ấy, sinh trưởng ca tu ở trên ấy, núp nắng mưa bão lụt, giữ trộm cắp cướp bóc ở trên ấy vậy” [3, tr.44].

Nhận thức về vai trò quan trọng của quốc ngữ, quốc văn và mong muốn “một hai người khởi công, mà mọi người giùm sức, để cho cái nền ấy được cao lớn, được vững vàng” của Ngô Đức Kế như được trình bày trong bài viết “Nền quốc văn” như vậy là không khác biệt với Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh trước đó, thậm chí đã được hai ông “khởi công” ngay từ khi Ngô Đức Kế còn là quốc sự phạm đang chịu án ngoài Côn Đảo. Vậy mà chỉ vài tháng sau khi công bố bài luận về nền quốc văn trên *Hữu thanh* (4.1924), Ngô Đức Kế lại quyết liệt phủ nhận việc Phạm Quỳnh đề cao và ca ngợi *Truyện Kiều*, bằng một bài luận chiến đanh thép cũng được đăng trên *Hữu thanh* (9.1924): “Luận về chính học cùng tà thuyết: Quốc văn - *Kim Vân Kiều* - Nguyễn Du” [4, tr.456-464].

Nguyên do là nhân dịp Hội Khai trí Tiến đức tổ chức trọng thể ngày giỗ Nguyễn Du (8.9.1924), Phạm Quỳnh đã có một bài diễn thuyết để “nhắc lại cho quốc dân nhớ

đến công nghiệp một người đã gây dựng cho quốc âm ta thành văn chương, để lại cho chúng ta một cái ‘hương hỏa’ rất quý báu, đời đời làm vẻ vang cho cả giống nòi” và để “biểu dương cái giá trị của *Truyện Kiều* đối với văn hóa nước ta, đối với văn học thế giới”. Bởi trong quan niệm của Phạm Quỳnh, “có nghĩ cho xa xôi, cho thắm thía, mới hiểu rằng *Truyện Kiều* đối với vận mệnh nước ta có một cái quý giá vô ngần” [9, tr.91-92]. Thậm chí, kết lại bài diễn thuyết ấy, Phạm Quỳnh còn tin tưởng thề rằng:

“*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài, chúng tôi là kẻ hậu sinh xin dầu lòng dốc chí cố gia công trau chuốt lấy tiếng quốc âm nhà, cho quốc hoa ngày một rực rỡ, quốc hồn ngày một tỉnh táo, quốc bộ ngày một tấn tới, quốc vận ngày một vẻ vang, ngõ hầu khỏi phụ cái chí hoài bão của tiên sinh *ngâm cười chín tuổi cũng còn thơm lây!*” [9, tr.93-94].

Đáp lại, dù có xem trọng văn tài quốc âm của Nguyễn Du, Ngô Đức Kế không đánh giá cao *Truyện Kiều*. Sự không đánh giá cao ấy, theo Ngô Đức Kế, thứ nhất là ở chỗ tác phẩm chỉ tái diễn câu chuyện phong tình tầm thường, kể chuyện nam nữ bất chính, nên có tô vẽ hiều nghĩa gì cũng “không đủ làm gương tốt cho đời”. Thứ hai, bản thân Nguyễn Du cũng chỉ xem đó là câu chuyện mua vui, vì thế “truyện ấy chỉ là một thứ văn chương ngâm vịnh chơi bời, để lúc thanh nhàn mà đọc đôi câu cho tiêu khiển, chứ không phải là một thứ văn chương chính đại theo đường chính học, mà đem ra dạy đời được đâu” [4, tr.460]. Vì những lí lẽ ấy, Ngô Đức Kế phản đối việc đề cao xưng tụng *Truyện Kiều*. Ông phê phán người biểu dương *Truyện Kiều* là “văn sĩ giả dối”, người họa theo là “u mê hờ hững”, làm phương hại đến đám đông tán thưởng vốn chỉ biết

“nghe lỏm nhìn mờ” một cách thụ động. Thậm chí, phản đối việc xem *Truyện Kiều* có quan hệ đến “văn hóa Việt Nam”, “quốc vận Việt Nam”, ông coi đó là lối nói “xằng xiên bậy bạ, rồ rại điên cuồng, tà thuyết mê dân” [4, tr.461-463]. Dù không trực tiếp nhắc tên Phạm Quỳnh, nhưng nội dung bài báo rõ ràng nhằm tới đích danh ông chủ bút *Nam Phong tạp chí*. Tuy vậy, Phạm Quỳnh đã không đáp lại bài luận chiến gay gắt này. Còn phong trào đề cao *Truyện Kiều* qua phẩm bình văn chương và nhân vật, vịnh - họa - lấy *Kiều*, chuyển thể sang các loại hình kịch nghệ, điện ảnh, không vì sự phê phán của Ngô Đức Kế mà bớt phần náo nhiệt.

Các tranh luận về *Truyện Kiều* xuất hiện trở lại vào cuối những năm 1920 đầu những năm 1930 khi một phong trào nhận thức về quốc ngữ, quốc văn hiện diện trở lại trên các diễn đàn báo chí, nhất là việc tuần báo *Phụ nữ tân văn* (1929-1934) mới ra mắt, tổ chức cuộc thi có chủ đề “Nàng Thúy Kiều nên khen hay nên chê” ngay từ số đầu (số 1, 2.5.1929) và liên tiếp in các bài gửi đến trong các số sau, kéo dài đến đầu năm 1930. Thành công rực rỡ của *Phụ nữ tân văn* cùng sự góp mặt bài vở thường xuyên của Phan Khôi trên tờ báo có lẽ đã góp phần quan trọng cho việc làm sôi động trở lại các tranh luận học thuật đương thời. Trong không gian đang nở rộ các tranh luận học thuật, Phan Khôi đã lôi kéo Phạm Quỳnh vào cuộc khi đăng bài “Sau khi đọc bài trả lời của Trần Trọng Kim tiên sanh: Cảnh cáo các nhà học phiệt” [5, tr.202-212]. Bài đáp của Phạm Quỳnh [10, tr.906-912] một lần nữa lại vấp phải sự phê phán nặng nề từ chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, được viết nhằm “chiêu tuyết những lời bài báng cho một chí sĩ mới qua đời” nhưng đồng thời cũng qua đó, thể hiện quan điểm của Huỳnh Thúc Kháng về *Truyện Kiều* và các vấn đề hữu quan [2, tr.913-917]. Các tranh luận này, hợp với sự

nổi lên của các thảo luận trở lại về quốc ngữ và quốc văn, làm thành cuộc tranh luận về quốc học thu hút được nhiều trí thức đương thời lên tiếng bàn thảo.

## 2. Văn học trong đa hệ thống văn hóa và chính trị nhìn từ cuộc tranh luận về *Truyện Kiều*

Trong bài chất chính lời cảnh cáo các nhà “học phiệt” của Phan Khôi, mà Phạm Quỳnh được chỉ đích danh, ông lên tiếng về lựa chọn của mình:

“Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học vấn. Cái chủ nghĩa tôi phụng sự bấy lâu nay, - kể có trên dưới mười lăm năm trời, thật là dốc một lòng, chuyên một dạ, - chính là chủ nghĩa quốc gia, nhưng chỉ mới phụng sự về phương diện văn hóa, chưa hề chuyển di sang phương diện chính trị.

Tôi thiết nghĩ rằng muốn cho nước nhà được độc lập, thì phải gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân. Muốn gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân thì phải có cái khí cụ để tuyên truyền giáo dục. Cái khí cụ để tuyên truyền giáo dục là ngữ ngôn văn tự trong nước. Bởi thế nên trong mười lăm năm nay, tôi không làm một việc gì khác cả: chỉ cù cung tận tụy về một việc là cổ động cho quốc văn, tài bồi cho quốc văn, gây dựng cho quốc văn thành một nền văn chương đích đáng, có thể dùng làm cái lợi khí để truyền bá văn minh trong nước. Các bạn đồng chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã từng công nhận cho cái công phu ấy không phải là vô ích” [10, tr.911].

Đây là thời điểm bản lề trong lựa chọn chính trị của Phạm Quỳnh nên việc tự nhìn nhận này là rất đáng chú ý. Thậm chí, ngay trước khi viết ra những lời nói trên, Phạm Quỳnh đã dọn đường cho những thay đổi của mình về sau, khi cho rằng “chẳng biết từ nay về sau vì thời thế bắt buộc có phải thực

lực ra làm chánh trị hay không, - đó là một cái nghĩa vụ, nếu phải làm thì cũng không dám từ, - chớ từ trước đến nay thì sở chỉ sở sự không phải chuyên chủ về mặt chánh trị; dầu có tham dự vào chút đỉnh, cũng chỉ là tham dự một cách gián tiếp, đứng về địa vị khách quan, để làm một món khảo cứu mà thôi” [10, tr.911]. Và không lâu sau việc lên tiếng này, vào cuối năm 1932, Phạm Quỳnh tham gia với chính quyền Nam triều của vua Bảo Đại. Cùng với quan điểm bảo hoàng và thuyết lập hiến, từ đây Phạm Quỳnh trở thành “đối thủ” chính trị lớn nhất của các khuynh hướng chánh trị và các thế hệ trí thức thuộc địa Tây học lớp sau. Trong khi ở phương diện văn hóa, nhiệt tâm với ý tưởng gây dựng một nền quốc học đang được thảo luận (xem thêm [12, tr.515-524], [13, tr.1-7]) - cái ý tưởng mà theo ông “ngày nay Phan tiền sinh mới đề xướng, mà về phần tôi chủ trương đã lâu năm rồi”, Phạm Quỳnh đề xuất thành lập một hội “Chấn hưng quốc học” “hợp tập những người có trí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành để nước nhà có một nền quốc học xứng đáng”. Nền quốc học ấy được Phạm Quỳnh hình dung là “không Tây mà không Nho, có cái tánh cách đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố hữu của nòi giống” [10, tr.912].

Phan Khôi đã không chia sẻ với Phạm Quỳnh về mặt đường hướng và cách thức gây dựng một nền quốc học khi vấn đề này được bàn thảo trở lại [6, tr.234-241]. Trong khi Phạm Quỳnh đi tìm “tính thống nhất” của phong trào, thì Phan Khôi lại hướng đến “tính đa dạng” của nó. Phan Khôi cho rằng trong lúc quốc học còn đang phôi thai, cách tốt nhất để thúc đẩy sự phát triển là phải hướng tới việc đa dạng các hoạt động “phá bỏ” (cái cũ) và “kiến thiết” (cái mới) trong môi trường phong phú các tiếng nói và tranh luận học thuật - lý do khiến ông

lên tiếng “cảnh cáo” tinh thần học phiệt để đòi hỏi Phạm Quỳnh tham gia vào các hoạt động thảo luận đang trở nên sôi nổi trên báo chí vào lúc này. Song trước đấy mười năm, dù chương trình nghị sự hầu như chỉ được thực thi bởi số ít những lá cờ đầu, sự phân hóa cũng không vì thế mà bớt đi. Trong bối cảnh đó, Phạm Quỳnh đã chủ trương những gì trong “chủ nghĩa quốc gia” trên “phương diện văn hóa” với việc sáng lập và điều hành *Nam Phong tạp chí* - tức dự án gây dựng nền quốc học bằng việc tài bồi và phát triển quốc văn - khiến cho Ngô Đức Kế phải lên tiếng công kích? Bởi xét đến cùng, cả Phạm Quỳnh, Ngô Đức Kế và Phan Khôi cùng nhiều trí thức bản xứ khác đâu có khác biệt trong mục tiêu xây dựng một nền quốc học bằng việc tài bồi và phát triển quốc văn, tức lấy “ngữ ngôn văn tự trong nước” làm lợi khí cho việc truyền bá văn minh, hay “lấy quốc ngữ làm vôi hồ” gây dựng nền tự cường cho dân tộc.

Lý do trước nhất nằm ở sự khác biệt về mẫu người văn hóa mà họ thuộc về. Ngô Đức Kế là nhà nho, chí sĩ, quốc sự phạm. Được phóng thích sau hơn mười năm bị giam cầm ở Côn Đảo, Ngô Đức Kế cộng tác với *Hữu Thanh tạp chí*, một ấn phẩm của các nhà tư bản bản xứ có chân trong Hội Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp ở Hà Nội. Trên tạp chí này, ông đã viết những bài chống lại đường hướng của *Nam Phong tạp chí* của chủ bút Phạm Quỳnh. Còn Phạm Quỳnh là một trí thức Tây học am tường Nho học, nhưng lại cộng tác với chính quyền thực dân. Dù *Nam Phong tạp chí* được ghi nhận có đóng góp quan trọng cho việc cổ vũ và tài bồi cho quốc văn, mở mang hiểu biết cho công chúng, nhưng ông chủ bút Phạm Quỳnh vẫn luôn bị lên án vì đã hợp tác với viên chánh mật thám Louis Marty và nhận hỗ trợ của chính quyền thực dân để duy trì hoạt động của tờ tạp chí này.

Lý do thứ hai nằm ở sự khác biệt trong khuynh hướng chính trị. Ngô Đức Kế tham gia vào các phong trào bạo loạn nhằm lật đổ chính quyền thực dân còn Phạm Quỳnh lại dựa vào chính quyền thực dân để cải cách xã hội trong vòng hợp pháp.

Lý do thứ ba nằm ở sự phức tạp của dự án về dân tộc của Phạm Quỳnh trong tình cảnh thuộc địa. Hấp dẫn bởi văn hóa văn minh Pháp trong bối cảnh các phong trào bạo động cách mạng bị đàn áp, Phạm Quỳnh nhận thấy cần phải dựa vào chính quyền thực dân để thực hiện các cải cách xã hội, truyền bá văn minh, nâng cao dân trí, lấy đó làm nền tảng để mưu cầu độc lập chính trị về sau. Lấy Pháp làm hình mẫu, Phạm Quỳnh tìm đến mô hình văn hóa được khuếch trương bởi các trí thức tinh hoa được tập hợp ở Hàn lâm viện. Trong quan niệm của họ, việc phát triển quốc văn là cái gốc để gây dựng và phát huy quốc hồn, quốc túy. Theo những tấm gương ấy, Phạm Quỳnh mới hướng tới việc xây dựng chủ nghĩa quốc gia trên phương diện văn hóa và ngôn ngữ. Nhưng khác với các trí thức tinh hoa mẫu quốc, Phạm Quỳnh và các bạn đồng chí của ông không được hoạt động trong một đất nước đã độc lập, tự do. Theo đó, họ phải đi tìm hồn nước trước khi tài bồi và khuếch trương hồn nước. Vì vậy, trong hoàn cảnh bị lệ thuộc, Phạm Quỳnh đã tìm lấy trong di sản dân tộc từ văn chương tinh hoa đến văn chương bình dân cái di chỉ lưu giữ quốc hồn, cái chất liệu tìm ra quốc túy. Điều đó cho thấy không phải ngẫu nhiên mà Phạm Quỳnh rất mực chú tâm đến kho tàng văn học dân gian và kiệt tác *Truyện Kiều* (xem thêm [7, tr.480-500], [8, tr.253-272], [11], [14]).

Lý do thứ tư nằm ở sự phân hóa trong các nhìn nhận về ngôn ngữ và văn chương trong đa hệ thống văn hóa. Ngô Đức Kế, và sau này cả Huỳnh Thúc Kháng nữa, có cách

đặt vấn đề khác với Phạm Quỳnh trên lĩnh vực này. Các chí sĩ này chủ yếu nhìn nhận ngôn ngữ ở khía cạnh phương tiện của nó và nhìn nhận văn chương cũng chủ yếu ở khía cạnh tính chức năng. Họ ủng hộ chữ quốc ngữ vì đó là thứ chữ phi Hán phi Pháp mà việc tài bồi cho nó sẽ góp phần tích cực vào việc gây dựng nền độc lập dân tộc. Điều là các bậc khoa bảng trong hệ thống khoa cử Hán học (Ngô Đức Kế đỗ Tiến sĩ năm 1901, Huỳnh Thúc Kháng đỗ Tiến sĩ năm 1904), nên họ hiểu biết sâu sắc nền giáo dục Hán học cũng như những di sản văn chương truyền thống, trước khi từ chối con đường khoa cử và hình mẫu văn chương ấy để tích cực tham gia các phong trào yêu nước chống thực dân. Để chống lại Pháp, họ hướng tới nền giáo dục thực nghiệp hòng thay đổi nhận thức người dân; và để gây dựng nền giáo dục thực nghiệp, họ chấp nhận chối từ một phần di sản từ chương quá khứ. Theo đó, tính cách mạng và tính có ích phải được đặt lên hàng đầu, thậm chí có thể phải bỏ qua cả tính nghệ thuật trong việc gây dựng một nền quốc văn mới. Không phải ngẫu nhiên mà khi đề xuất việc gây dựng “nền quốc văn”, Ngô Đức Kế muốn hướng tới việc phổ cập nó, nhất là với “những lớp tân nhân vật, những bọn thiếu niên, đều là đám có thể lực thay mặt cho xã hội hiện tại và tương lai”, chứ không chỉ ở “đôi ba nhà văn sĩ, vêu vao trên mấy tờ nhật báo, mấy bài thơ văn” [3, tr.45-46]. Còn khi đả phá Phạm Quỳnh, ông mới lên án việc học quốc văn nhấn vào “lối thơ phú ca ngâm” hay phong tình tiêu khiển, mà quên đi việc học có nghĩa lý, tức cái học về “khoa học, luân lý, cách trí, chính trị, cùng là phép luận lý, phép kỹ sự, để xem các sách vở ngôn luận của ta cho hiểu, để đem tư tưởng sở đắc trong Pháp học mà phát ra làm trước thuật ngôn luận của ta cho thông” [4, tr.461]. Cũng một lối nhìn nhận như thế, nên khi “chiêu tuyết”

cho Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng cũng tiện đó mà “chánh cáo cho anh em trí thức trong nước” về bản chất của *Truyện Kiều*. Theo ông: “*Truyện Kiều* chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chỗ không phải là thứ sách học; mà nói cho đúng, *Truyện Kiều* là thứ dâm thư, rõ không ích mà có hại” [2, tr.916]. Cả hai nhà chí sĩ đều nhìn nhận *Truyện Kiều* bằng nhãn quan đạo đức, trong khi ngược lại, Phạm Quỳnh đã bắt đầu nhen nhóm nhãn quan nghệ thuật. Trong bài viết rất sớm về *Truyện Kiều* vào năm 1919, Phạm Quỳnh đã nhận thấy “phải dùng phép phê bình khảo cứu của văn học Thái Tây mới mong phát huy được cái đặc sắc, bày tỏ được cái giá trị của một nền tuyệt tác trong quốc văn An Nam ta”, từ đó “chia ra bốn mục mà thử xét về cội rễ *Truyện Kiều*, lịch sử tác giả, tâm lý cô Kiều và văn chương *Truyện Kiều*; gọi là theo đòi phép nghiên cứu của Thái Tây, không dám phẩm bình gì văn chương của tiền bối” [7, tr.481]. Bài viết không chỉ hiện diện như một trong những bài viết phê bình hiện đại đầu tiên của văn học Việt Nam mà còn cho thấy một ý thức hiện đại về văn học ở người phê bình. Khác với Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng, ở Phạm Quỳnh đã hình thành cái nhìn phương Tây hiện đại về văn học<sup>1</sup>. Điều này cho thấy, ngoài những khác biệt về mặt đường hướng chính trị trong tình thế thuộc địa đặc thù, sự khác biệt trong quan niệm về văn chương (như là văn hóa hay như là nghệ thuật ngôn từ) cũng quy chiếu cuộc tranh luận, khiến cho ở cả hai phía, sự công kích thường hướng về phía nhân thân người tham gia tranh luận nhiều hơn là đối tượng được nói đến.

<sup>1</sup> Thậm chí, Phạm Quỳnh cũng là người đầu tiên phổ biến một cách hệ thống tư tưởng hiện đại về văn học nghệ thuật thông qua việc dịch thuật, giới thiệu các quan điểm từ truyền thống triết mỹ phương Tây.

### 3. Di sản văn hóa dân tộc với các nhà dân tộc chủ nghĩa thời hiện đại

Cuộc tranh luận về *Truyện Kiều* năm 1924 và sự trở lại của nó vào năm 1930 nằm ở hai thời điểm quan trọng cho thấy các lựa chọn mô hình quốc gia - dân tộc của các trí thức dân tộc chủ nghĩa bản xứ. Năm 1924 là đỉnh điểm của đường hướng lựa chọn cải cách, khởi đầu từ trong sự thất bại của các phong trào Duy Tân, Đông Du và Đông Kinh nghĩa thực. Người mở đầu cho đường hướng này là Nguyễn Văn Vĩnh khi ông dành tất cả tâm huyết cho việc mở mang báo chí, cổ vũ quốc văn, khơi dậy và phổ biến văn hóa văn hiến dân tộc. Có thể nói, Nguyễn Văn Vĩnh là người đầu tiên tìm thấy ở *Truyện Kiều* của Nguyễn Du một cơ sở cho việc xây dựng tín thể quốc gia mới. Sau khi tờ báo quốc ngữ *Đông Dương tạp chí* (1907) do ông chủ trương bị đóng cửa, vào các năm 1908-1910, ông chủ trương hai tờ báo khác - *Notre Journal* và *Notre Revue* - trong đó trên tờ *Notre Revue* (tờ báo ta, in song ngữ Pháp - Việt), ông cho đăng bản dịch *Truyện Kiều* sang tiếng Pháp, bản dịch mà sau đó còn được trở lại trên *Đông Dương tạp chí*. Lý do của việc phiên chuyển này, có thể tìm thấy trong các bài viết “Văn chương An Nam” [16, tr.9-10] và “Tiếng An Nam” [17, tr.3-4]<sup>2</sup>. Tìm về di sản cha ông, Nguyễn Văn Vĩnh nhận thấy “kể những sách của các bậc tài Nôm nước Nam để lại, mà làm nền tảng cho quốc văn thì thực hiếm, nhưng tuy hiếm mà thực là quý, thực là hay. Như văn *Kim Vân Kiều* mà đem vào kho tàng văn chương thế giới kể cũng xứng, chỗ không đến nỗi để người An Nam mình phải hổ thẹn rằng không có văn” [16, tr.9]. *Truyện Kiều*, vì vậy, đáp ứng được hai điều kiện quan trọng: thứ nhất, đủ khả năng làm “nền” cho quốc văn; và thứ hai,

<sup>2</sup> Xin cảm ơn bạn Đào Nguyên đã chia sẻ dữ liệu hai tờ báo *Notre Journal*, *Notre Revue*, và hai bài báo “Văn chương An Nam”, “Tiếng An Nam”.

xứng đáng là “danh văn” tầm nhân loại. Ấy vậy mà, việc lưu giữ, tìm hiểu, phiên chuyển các tác phẩm kinh điển như *Truyện Kiều* sang quốc ngữ và Pháp ngữ không được chú ý. Nó thúc giục Nguyễn Văn Vĩnh đem trở lại bản dịch *Truyện Kiều* còn dang dở trên *Notre Revue* để hoàn thiện trên *Đông Dương tạp chí* (từ số 18, 11.9.1913). Hơn nữa, trong bài “Tiếng An Nam” sau đó, ông kể ra một thực tế:

“Ở Đông Dương ta ngày nay, Nhà nước đã cho mở trường trung học, thì chính phủ Đông Dương đã có ý xin với bộ Học, cho tiếng An Nam vào chương trình ngoại ngữ.

Quan Thượng thư bộ Học, ngài cũng sẵn lòng y nhờ bàn ấy lắm, ngài bèn truyền ngay cho Học chính ở đây đệ về bộ mấy quyển sách An Nam nào, gọi là danh thư, để ngài phụng chỉ dụ nhận cho những sách ấy là sách học. Thì té ra không có sách gì mà đệ cả, cho nên quan Học bộ không cho vào chương trình một thứ tiếng chẳng có kinh điển nào.

Việc đó tất thành ra một cách biện lý khó cãi của những người ghét tiếng An Nam, mà cũng lại là việc nên tui cho những nhà bút nghiên đất Nam Việt” [17, tr.3].

Chiếu theo thực tế được kể trên, thì việc phổ biến *Truyện Kiều* của Nguyễn Văn Vĩnh còn là một cách thức để thể hiện “phương diện quốc gia” nữa. Ông tin tưởng rằng, chỉ có thông qua sách báo (như là “sách bàn”) và sách giáo khoa (như là “sách học”) thì một áng danh văn mới có thể trở nên phổ biến, vừa làm nền tảng cho quốc dân, vừa dựa vào thiết chế giáo dục để qua đó mà khẳng định truyền thống văn hóa văn hiến của dân tộc với chính quốc và với nước ngoài. Các trí thức dân tộc chủ nghĩa từng cộng tác với *Đông Dương tạp chí* ủng hộ cho quan điểm này. Và về sau, khi Phạm Quỳnh đứng ra

chủ trương *Nam Phong tạp chí*, ông tiếp tục kêu gọi các bạn đồng chí tiếp nối các quan điểm cải cách văn hóa mà trước đây Nguyễn Văn Vĩnh đã khởi xướng, cho tới khi hai ông quyết liệt lựa chọn những quan điểm chính trị khác biệt vào đầu những năm 1930. Bản thân Phạm Quỳnh, như đã nhắc tới ở trên, rất nhiệt tâm xây dựng một chủ nghĩa quốc gia “về phương diện văn hóa”. Quan điểm ấy dẫn dắt các hoạt động báo chí và văn hóa xã hội của Phạm Quỳnh mà việc ông tham dự vào lễ kỷ niệm Nguyễn Du (8.9.1924) do Hội Khai trí Tiến đức tổ chức và diễn thuyết vinh danh *Truyện Kiều* là một hành động điển hình.

Tuy vậy, tình hình chính trị ở Việt Nam bắt đầu xoay chuyển từ sau đó. Năm 1925, nhà chí sĩ Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt và đưa ra tòa đề hình. Một phong trào ủng hộ Phan Bội Châu lan ra toàn quốc. Sang năm 1926, người dân lại xuống đường để tang cái chết của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh. Từ trong các phong trào ấy, các đảng chính trị được bí mật ra đời. Vào đầu những năm 1930 khi Phan Khôi làm sống lại cuộc tranh luận về *Truyện Kiều* như một đòi hỏi về sự trưởng thành của xã hội dân sự, thì các phong trào bạo động cách mạng đã bắt đầu nổ ra, theo khuynh hướng quốc gia như khởi nghĩa Yên Bái của Quốc Dân đảng hay phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh của Đảng Cộng sản. Trong bối cảnh ấy, Phạm Quỳnh chủ trương quan điểm “quân chủ lập hiến”, rời *Nam Phong tạp chí* để trực tiếp tham gia nội các Nam triều của vua Bảo Đại. Nguyễn Văn Vĩnh thì tiếp tục chủ trương quan điểm “trực trị”, lập báo tiếng Pháp *L'Annam Nouveau* (1931-1936), để đấu tranh cho đường hướng của mình. Trong khi, các trí thức Tây học bản địa trẻ tuổi lúc này đều không còn hào hứng với các đường hướng được hai lá cờ đầu ấy giương lên nữa<sup>1</sup>. Tuy

<sup>1</sup> Nhóm Tự Lực văn đoàn thậm chí còn đặt lời “phong dao mới” để giễu các lựa chọn này ngay



vậy, những hoạt động văn hóa của những lá cờ đầu như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh vẫn còn vang vọng đến các thế hệ sau. Trong hồi ký của mình, Đào Duy Anh nhận thấy rằng “cái phong trào tán dương *Kiều*, “sùng bái *Kiều*” do tạp chí *Nam Phong* của Phạm Quỳnh in, nhà chí sĩ Ngô Đức Kế đã kích một cách thống khoái quả là có tác dụng chính trị không lành, nhưng trong khi mặt sát những kẻ núp dưới danh nghĩa để đề cao *Truyện Kiều* mà thực hiện âm mưu phản động về mặt chính trị, tôi nghĩ chúng ta không nên quên cái giá trị văn học tuyệt vời của *Truyện Kiều*, do đó tôi không hề phủ nhận tác dụng của *Truyện Kiều* và các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam khác đã giúp tôi học và viết quốc văn” [1, tr.19]. Nhìn vào thế hệ mình, Đào Duy Anh cho rằng “trong thời Pháp thuộc, một số người ở nhà trường thì học chữ Pháp mà theo cái học mất gốc, nhưng đến sau ra đời thì lại viết quốc văn và nghiên cứu văn hóa văn học Việt Nam, nhờ thế mà những truyền thống dân tộc không đến nỗi bị đoạn tuyệt... Một thứ mặc cảm dân tộc, một thứ bản năng tự tôn dân tộc vô hình trung dẫn bước người ta, ở trên đã bị cưỡng ép hấp thụ văn hóa ngoại lai, trở về với tổ tiên mà trân trọng tiếng nói mẹ đẻ và văn hóa dân tộc, khiến người ta có thể vận dụng được những kiến thức và phương pháp mới mà nền giáo dục ngoại lai không thể không cung cấp cho chúng ta một cách khách quan, để lần mò chấp chững trong công việc khai thác và phát huy một đôi điểm trong nền cổ văn hóa dân tộc” [1, tr.19-20]. Những nhận thức ấy, cộng với bối

ở số báo *Phong hóa* đầu tiên do họ chủ trương: “Nước Nam có hai người tài/ Thứ nhất sử Ính, thứ hai sử Uyển/ Một sử béo múp rung rinh/ Một sử lều đều như hình cò hương/ Không vốn liếng, chẳng ruộng nương/ Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu/ Bấy giờ đang sía sỏi nhau/ Người câu lập hiến, kẻ câu trực quyền/ - Thưa các ngài, thực vi tiên/ Muốn xem chiến đấu, quăng tiền vào đây!” [15, tr.2].

cảnh có sự trưởng thành nhanh chóng của nền văn học hiện đại, rõ ràng đã đưa các tranh luận về văn hóa vào trong khuôn khổ các tranh luận học thuật, mở đường cho sự xuất hiện các công trình nghiên cứu chuyên ngành về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*.

Trở lại với cuộc tranh luận, Phạm Quỳnh nhận thấy rõ thế yếu của mình trong cuộc tranh luận khi ông không được bảo trợ bằng một lí lịch “quốc sự phạm” như Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng. Trong cuộc tranh luận, Phạm Quỳnh chỉ hiện lên như một “nhà văn sĩ” cộng tác với chính quyền thực dân. Vì thế, khi nhìn từ góc độ chính trị và xã hội, tình cảnh thuộc địa khiến cho một người hợp tác với ngoại bang thì không thể đem ra so sánh với người đứng lên chống thù trong giặc ngoài. Trong khi nhìn từ văn học nghệ thuật, mô hình văn chương hiện đại mới được phôi thai ở Việt Nam thuộc địa lại không hội tụ đủ những hiểu biết cần thiết hỗ trợ cho sự tranh biện. Phạm Quỳnh đã giữ một vai trò quan trọng trong việc du nhập và tái tạo mô hình này nên có thể vì thế mà so với các trí thức khác, ông dành sự chú ý nhiều hơn tới phương diện nghệ thuật của nền quốc văn. Dầu vậy, hiểu biết chuyên sâu ấy cũng không giúp tôn cao thêm cho thể đứng của Phạm Quỳnh trong cuộc tranh luận về *Truyện Kiều*. Trường văn học ở Việt Nam thuộc địa lúc này mới chỉ manh nha và rõ ràng không có cơ hội để đạt được sự tự chủ thực sự. Bản thân Phạm Quỳnh cũng tự biểu hiện như là một chủ thể nước đôi chất chứa đầy xung đột, phân ly. Ông vừa nhìn nhận *Truyện Kiều* như một tác phẩm văn học độc lập, đồng thời cũng nhìn nhận như một tác nhân quan trọng góp phần kiến tạo bản sắc trong dự án quốc gia - dân tộc mà ông theo đuổi.

Trong không gian văn hóa mà ngôn ngữ và văn chương được xem như là văn

hóa, là phương tiện để kiến thiết quốc gia trong tình cảnh thuộc địa thì những tranh luận học thuật sẽ chịu sự quy chiếu mạnh mẽ của các xu hướng và lựa chọn chính trị. Trí thức và nhà văn hiện diện trước nhất trong tư cách những nhà dân tộc chủ nghĩa trước khi là những học giả chuyên ngành. Cuộc tranh luận về *Truyện Kiều* trong sự cấu trúc của tình cảnh thuộc địa, vì vậy, đối tượng tranh luận bị chìm khuất đi để chỉ nổi bật lên những lựa chọn khác biệt của những đường hướng chính trị, xã hội và văn hóa. Dù được đặc biệt chú ý và tôn vinh, *Truyện Kiều* vẫn phải chờ đến những thập kỷ sau đó, khi trường văn học được xác lập bởi sự xuất hiện thế hệ các trí thức Tây học trẻ và một cộng đồng đọc mới mẻ và rộng mở hơn, mới được nhìn nhận như là một tác phẩm kinh điển trong kho tàng văn hóa văn học Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2002), *Hồi ký (Nhớ nghĩ chiều hôm)* (Tái bản lần thứ 2), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Huỳnh Thúc Kháng (1930), “Chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không?”, [*Tiếng dân*, số 317, 17.9.1930; *Phụ nữ tân văn*, số 72, 2.10.1930], in lại trong Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1930* (Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn, 2006), Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây & Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.913-917.
- [3] Ngô Đức Kế (1924), “Nền quốc văn”, [*Hữu thanh*, số 12, 15.4.1924], in lại trong *Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Thiện sưu tầm, biên soạn; với sự cộng tác của Cao Kim Lan, 2003), Nxb. Lao động, Hà Nội, tr.40-47.
- [4] Ngô Đức Kế (1924), “Luận về chính học cùng tà thuyết: Quốc văn - Kim Vân Kiều - Nguyễn Du”, [*Hữu thanh*, số 21, 1.9.1924], in lại trong *Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX*, tập 1, Sđd, tr.456-464.
- [5] Phan Khôi (1930), “Sau khi đọc bài trả lời của Trần Trọng Kim tiên sanh: Cảnh cáo các nhà ‘học phiệt’”, [*Phụ nữ tân văn*, số 62, 24.7.1930], in lại trong Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1930*, Sđd, tr.202-212.
- [6] Phan Khôi (1930), “Về cái ý kiến lập hội ‘Chấn hưng quốc học’ của ông Phạm Quỳnh”, [*Phụ nữ tân văn*, số 70, 18.9.1930], in lại trong Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1930*, Sđd, tr.234-241.
- [7] Phạm Quỳnh (1919), “*Truyện Kiều*”, *Nam Phong tạp chí*, số 30 (1919), tr.480-500.
- [8] Phạm Quỳnh (1921), “Tục ngữ, ca dao [Bài diễn thuyết tại Hội Trí tri ngày 21.4.1921]”. *Nam Phong*, số 46 (4/1921), tr.253-272.
- [9] Phạm Quỳnh (1924), “Bài diễn thuyết bằng quốc văn của ông Phạm Quỳnh”, *Nam Phong*, số 86, (8.1924), tr.91-92.
- [10] Phạm Quỳnh (1930), “Trả lời bài ‘Cảnh cáo các nhà học phiệt’ của Phan Khôi tiên sanh”, [*Phụ nữ tân văn*, số 67, 28/8/1930], in lại trong Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1930*, Sđd, tr.906-912.
- [11] Phạm Quỳnh (1930), *Le Paysan tonkinois à travers le parler populaire [Người nông dân Bắc Kỳ qua tiếng nói bình dân]* (Tủ sách Nam Phong tùng thư), Đông Kinh ấn quán, Hà Nội.
- [12] Phạm Quỳnh (1931), “Bàn về quốc học”, *Nam Phong*, số 163 (6.1931), tr.515-524.
- [13] Phạm Quỳnh (1931), “Quốc học với quốc văn”, *Nam Phong*, số 164 (7.1931), tr.1-7.
- [14] Phạm Quỳnh (1931), *La Poésie Annamite [Thơ nước Nam]* (Tủ sách Nam Phong tùng thư), Đông Kinh ấn quán, Hà Nội.
- [15] [Tự Lực văn đoàn] (1932), “Phong dao mới”, *Phong hóa*, số 14 (22.9.1932), tr.2.
- [16] Nguyễn Văn Vĩnh (1913), “Văn chương An Nam”, *Đông Dương tạp chí*, số 9 (10.7.1913), tr.9-10.
- [17] Nguyễn Văn Vĩnh (1914), “Tiếng An Nam”, *Đông Dương tạp chí*, số 40 (19.2.1914), tr.3-4.